

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ LẠNG SƠN
TỈNH LẠNG SƠN

Bản án số: 17/2024/HNGĐ-ST

Ngày 17 - 7 - 2024

V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi
con khi ly hôn

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LẠNG SƠN, TỈNH LẠNG SƠN

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thanh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Minh Huyền

2. Bà Nguyễn Thị Bích Thuận

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thanh Phương - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa:** Ông Hoàng Kỳ Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 7 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số: 28/2024/TLST-HNGĐ ngày 05/3/2024, về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 6 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 14/2024/QĐST-HNGĐ ngày 01 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Bùi Thị L, sinh năm 1978, có mặt.

Bị đơn: Ông Vũ Ngọc H, sinh năm 1976, vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Số A, ngõ A, đường T, phường T, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện đề ngày 19/02/2024, bản tự khai, các lời khai tiếp theo và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Bùi Thị L trình bày:

Bà kết hôn với ông Vũ Ngọc H vào năm 2001, trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện T, tỉnh Nam Định. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc, được vài năm thì nảy sinh mâu

thuần. Nguyên nhân là do ông Vũ Ngọc H sa đà vào cờ bạc, không quan tâm đến gia đình, bà đã nhiều lần khuyên nhưng ông Vũ Ngọc H không thay đổi mà còn chơi nhiều hơn, khiến bà phải đi trả nợ cho ông Vũ Ngọc H nhiều lần, mỗi lần trả nợ xong ông Vũ Ngọc H có hứa sẽ thay đổi nhưng chỉ được vài ngày lại chơi lô đề, cờ bạc nhiều hơn. Đến năm 2023 bà phát hiện ông Vũ Ngọc H có quan hệ ngoại tình nên ít khi về nhà, có khi về chỉ ở nhà một lúc rồi lại đi; bà khuyên can thì ông H lại tỏ thái độ rồi chửi mắng bà. Khi biết bà làm đơn ly hôn, ông Vũ Ngọc H đã có hành vi hành hung, gây thương tích cho bà và đe dọa, dí dao vào cổ bà trước mặt con, nhưng vẫn không biết thay đổi. Nay bà xác định không còn tình cảm vợ chồng, không muốn tiếp tục chung sống với ông Vũ Ngọc H, nên bà yêu cầu được ly hôn với ông Vũ Ngọc H.

Về con chung: Bà và ông Vũ Ngọc H có 02 người con chung là cháu Vũ Phương T, sinh năm 2001 và cháu Vũ Mạnh D, sinh ngày 30/11/2007. Khi ly hôn bà Bùi Thị L yêu cầu được nuôi con là Vũ Mạnh D đến tuổi trưởng thành, không yêu cầu ông Vũ Ngọc H cấp dưỡng nuôi con; còn cháu Vũ Phương T hiện đã trưởng thành nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tài sản chung: Có nhà đất tại địa chỉ số A, ngõ A, đường T, phường T, thành phố L cả gia đình đang sinh sống, tuy nhiên nay bà không yêu cầu Tòa án giải quyết, để vợ chồng bà tự thỏa thuận.

Về nợ chung: Vợ chồng bà không có nợ chung và không cho ai vay mượn.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập bị đơn ông Vũ Ngọc H hợp lệ để tham gia tố tụng nhưng ông Vũ Ngọc H không hợp tác, không đến Tòa án lần nào, nên trong hồ sơ vụ án không có lời khai của ông Vũ Ngọc H; đồng thời Tòa án cũng không nhận được ý kiến phản hồi hoặc yêu cầu phản tố của ông Vũ Ngọc H đối với yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị L và ông Vũ Ngọc H cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì cho Tòa án.

Do ông Vũ Ngọc H vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án, nên Tòa án không tiến hành hòa giải vụ án được. Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện như đã nêu trên; bị đơn ông Vũ Ngọc H vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật và đề xuất quan điểm giải quyết vụ án như sau:

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về thụ lý vụ án; xác định thẩm quyền, quan hệ pháp luật tranh chấp; thực hiện thu thập tài liệu chứng cứ; tổng đạt và niêm yết công khai đầy đủ các văn bản tố tụng cho đương sự đúng quy định; Quyết định đưa vụ án ra xét xử và chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát đúng thời hạn. Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về thành phần, trình tự, thủ tục xét xử sơ thẩm vụ án từ khi khai mạc phiên tòa đến trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án. Thư ký đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn của thư ký tại phiên tòa. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của pháp luật; bị đơn ông Vũ

Ngọc H chấp hành chưa đúng quy định pháp luật, vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa không có lý do.

Đề xuất hướng giải quyết: Căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; các Điều 57; 81; 82; 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 3 Điều 4; khoản 1 Điều 6; khoản 1 Điều 7 Nghị quyết số 01/2024/NQQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Bùi Thị L đối với ông Vũ Ngọc H; về con chung: Giao cháu Vũ Mạnh D cho bà Bùi Thị L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi), ông Vũ Ngọc H không phải cấp dưỡng nuôi con. Con chung là cháu Vũ Phương T hiện đã trưởng thành, bà Bùi Thị L không yêu cầu giải quyết nên không xem xét. Về tài sản chung: Bà Bùi Thị L không yêu cầu giải quyết nên không xem xét. Về nợ chung: Bà Bùi Thị L xác định là không có, nên không xem xét. Về án phí, buộc bà Bùi Thị L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm để sung ngân sách Nhà nước và tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự. Nội dung yêu cầu, kiến nghị, khắc phục vi phạm không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Vũ Ngọc H không tham gia tố tụng theo giấy triệu tập, nên ngày 27/3/2024 Tòa án đã trực tiếp đến nhà để tổng đạt văn bản tố tụng và giấy triệu tập nhưng ông Vũ Ngọc H không ở nhà; tại Biên bản xác minh ngày 01/4/2024, Công an phường T, thành phố L cung cấp cho biết: Ông Vũ Ngọc H, sinh năm 1976 có hộ khẩu thường trú tại Số A, ngõ A, đường Tam Thanh, phường T, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn, hiện vẫn đang cư trú, sinh sống tại địa chỉ này, do vậy Tòa án đã tiến hành niêm yết công khai các văn bản tố tụng tại nơi cư trú của ông Vũ Ngọc H theo quy định của pháp luật. Đồng thời, ngày 09/5/2024, Tòa án cùng chính quyền địa phương đến nhà để hướng dẫn tự khai, lấy lời khai, ông Vũ Ngọc H có mặt nhưng không hợp tác, khóa cổng không cho cán bộ vào nhà. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án không nhận được ý kiến phản hồi, yêu cầu độc lập hoặc yêu cầu phản tố của ông Vũ Ngọc H. Tại phiên tòa, ông Vũ Ngọc H vắng mặt 02 lần không có lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227; Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn ông Vũ Ngọc H.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Xét thấy bà Bùi Thị L khởi kiện yêu cầu giải quyết việc ly hôn và giải quyết con chung khi ly hôn; bị đơn ông Vũ

Ngọc H có địa chỉ cư trú và hiện đang sinh sống tại phường T, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà Bùi Thị L và ông Vũ Ngọc H kết hôn năm 2001, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện T, tỉnh Nam Định, thể hiện tại Giấy chứng nhận kết hôn đăng ký ngày 13/01/2001 của Ủy ban nhân dân xã P, huyện T, tỉnh Nam Định, do đó hôn nhân giữa bà Bùi Thị L và ông Vũ Ngọc H là hôn nhân hợp pháp.

[4] Về yêu cầu ly hôn: Căn cứ các tài liệu chứng cứ do bà Bùi Thị L cung cấp, xác định, quá trình chung sống, giữa bà Bùi Thị L và ông Vũ Ngọc H đã xảy ra mâu thuẫn là có căn cứ; nguyên nhân mâu thuẫn là do ông Vũ Ngọc H chơi cờ bạc, lô đề, không quan tâm đến gia đình và có hành vi hành hung, gây thương tích cho bà Bùi Thị L, thể hiện tại các bản ảnh tin nhắn điện thoại trên ứng dụng Zalo của ông Vũ Ngọc H có các nội dung nhắn tin với người khác đề chơi lô đề, bài bạc và tin nhắn tình cảm của ông Vũ Ngọc H với người phụ nữ khác, đồng thời có các tấm ảnh chụp nhiều thương tích trên cơ thể bà Bùi Thị L, do bà Bùi Thị L cung cấp, phù hợp với lời khai của bà Bùi Thị L đã khai. Bị đơn ông Vũ Ngọc H mặc dù biết bà Bùi Thị L đang yêu cầu giải quyết ly hôn, nhưng ông Vũ Ngọc H cố ý không tham gia tố tụng, không có ý kiến phản hồi đến Tòa án về nội dung yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị L, như vậy thể hiện ông Vũ Ngọc H không có thiện chí để níu kéo hạnh phúc gia đình; do vậy xác định quan hệ hôn nhân giữa bà Bùi Thị L và ông Vũ Ngọc H đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Bùi Thị L, cho bà Bùi Thị L được ly hôn với ông Vũ Ngọc H.

[5] Về con chung: Bà Bùi Thị L và ông Vũ Ngọc H có 02 con chung là cháu Vũ Phương T, sinh năm 2001 và cháu Vũ Mạnh D, sinh ngày 30/11/2007. Bà Bùi Thị L yêu cầu được nuôi con là Vũ Mạnh D đến tuổi trưởng thành, không yêu cầu ông Vũ Ngọc H cấp dưỡng nuôi con. Tại bản tự khai ngày 08/5/2024 cháu Vũ Mạnh D khai có nguyện vọng muốn được ở với mẹ, do vậy cần chấp nhận yêu cầu của bà Bùi Thị L, giao cháu Vũ Mạnh D cho bà Bùi Thị L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi); ông Vũ Ngọc H không phải cấp dưỡng nuôi con do bà Bùi Thị L không yêu cầu. Con chung là cháu Vũ Phương T hiện đã trưởng thành (trên 18 tuổi), bà Bùi Thị L không yêu cầu Tòa án giải quyết, Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Bùi Thị L xác định vợ chồng có tài sản chung là nhà và đất hiện cả gia đình đang sinh sống, nhưng bà không yêu cầu Tòa án giải quyết và về nợ chung không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Bùi Thị L được chấp nhận nên bà Bùi Thị L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm để sung ngân sách Nhà nước theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy

ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[8] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại các Điều 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 56; 57; 81; 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của bà Bùi Thị L, cho bà Bùi Thị L được ly hôn với ông Vũ Ngọc H.

2. Về con chung: Giao cháu Vũ Mạnh D cho bà Bùi Thị L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi); ông Vũ Ngọc H không phải cấp dưỡng nuôi con do bà Bùi Thị L không yêu cầu.

Ông Vũ Ngọc H có quyền thăm nom con chung không ai được ngăn cản.

Con chung là cháu Vũ Phương T hiện đã trưởng thành, bà Bùi Thị L không yêu, Tòa án không xem xét giải quyết.

3. Về án phí: Bà Bùi Thị L phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm để sung ngân sách Nhà nước.

Số tiền án phí bà Bùi Thị L phải nộp được khấu trừ vào 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí bà Bùi Thị L đã nộp, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí toà án số 0000152 ngày 05/3/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn. Xác nhận bà Bùi Thị L đã nộp đủ tiền án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND TP Lạng Sơn, T. Lạng Sơn;
- Chi cục THADS TP Lạng Sơn, T. Lạng Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu HCTP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Thị Thanh